

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2025
Về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giữ
Ông Lý Khắc Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1);

Trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền lại:

+ Ông Đỗ Hoàng L; chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

+ Ông Phạm Tuấn A; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

+ Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

(Theo văn bản ủy quyền 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024).

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại tham gia tố tụng:

+ Ông Vương Lê Vĩnh N; chức vụ: Trưởng Bộ phận xử lý nợ; CCCD số 092086003041

+ Ông Đặng Minh T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Tầng A, số E T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền 323/2025/UQN-CTQT ngày 30/4/2025).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1988; nơi cư trú: nơi cư trú: Tổ C, ấp C, xã B, huyện C (nay là ấp C, xã C), tỉnh An Giang.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn ông Vương Lê Vĩnh N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N1 đã ký với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN24008013362279; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ, sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN24008013362279 ký ngày 09/8/2024 để vay số tiền 880.500.000 đồng; mục đích vay: thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4 sản xuất mới 100%; thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất: 7.9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Dư nợ tính đến ngày 16/12/2024 là 895.782.793 đồng; trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 25.765.793 đồng;

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ mở ngày 09/8/2024 để vay số tiền: 44.205.000 đồng; mục đích vay: phục vụ đời sống. Dư nợ tính đến ngày 16/12/2024 là 50.296.106 đồng; trong đó: nợ gốc: 43.989.950 đồng; lãi: 6.306.159 đồng.

Để bảo đảm các hợp đồng cho vay trên thì bà N1 có thể chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4; biển số xe 66C-162.18; số khung MPBAMFE60RX615332, số máy YN2RRX615332 cho Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu.

Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 phải trả tổng số tiền nợ Hợp đồng cho vay số N24008013362279 (Hợp đồng tín dụng) tạm tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225đ (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi

lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 20/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4; biển số xe 66C-162.18; số khung MPBAMFE60RX615332, số máy YN2RRX615332 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì bà N1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và có nộp bản tự khai đề ngày 19/8/2025 nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị N1 về tranh chấp Hợp đồng cho vay số LN24008013362279, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD, sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN24008013362279, Hợp đồng thế chấp số LN24008013362279/HĐTC cùng ký ngày 09/8/2024; rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ thế tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thế, phát hành và sử dụng thế tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ mở ngày 09/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng và bà N1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về việc quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trả nợ thế tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng

thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ mở ngày 09/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng và bà N1 do đại diện ủy quyền nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu theo quy định.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trả số tiền tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225 đồng (trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng) và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 20/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số LN2408013362279 ngày 09/8/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã C (trước đây là xã B, huyện C), tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] Bà Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vương Lê Vĩnh N có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N1 và ông N là phù hợp.

[1.3] Ngân hàng có người đại diện theo ủy quyền Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền 323/2025/UQN-CTQT ngày 30/4/2025) tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Thủ tục ủy quyền phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo nội dung Bản tự khai đề ngày 19/8/2025 do đại diện uỷ quyền nguyên đơn (ông N) nộp cho Toà án có nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ mở ngày 09/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng và bà N1. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, vi phạm điều cấm của luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Nguyên đơn Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN24008013362279, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ, sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN24008013362279, Hợp đồng thế chấp số LN24008013362279/HĐTC cùng ký ngày 09/8/2024 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị N1 để yêu cầu bà N1 trả tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N1 phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Để đảm bảo khoản vay trên thì bà N1 có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số LN24008013362279/HĐTC cùng ký ngày 09/8/2024 để thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4; biển số xe 66C-162.18; số khung MPBAMFE60RX615332, số máy YN2RRX615332 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp trên là phù hợp với các Điều 317, 318, 320 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được pháp luật công nhận. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm khi bà N1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng theo các văn bản đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp

tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc bà N1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng; đồng thời tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2025) cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Trường hợp bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4; biển số xe 66C-162.18; số khung MPBAMFE60RX615332, số máy YN2RRX615332 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp. Sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì bà N1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 157, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 trả số tiền nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ mở ngày 09/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với bà Nguyễn Thị N1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bà Nguyễn Thị N1.

Buộc bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 19/8/2025 là 964.855.225đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó: nợ gốc: 870.017.000 đồng; nợ lãi: 94.838.225 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2025) bà N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L AT, 4x4; biển số xe 66C-162.18; số khung MPBAMFE60RX615332, số máy YN2RRX615332 và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp. Sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì bà N1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.945.000đ (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 20.191.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm chín mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014530 ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 -An Giang;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ TUYẾT MAI